TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Nhật Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp

2. Bà Trương Thị Thu Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 447/2023/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thành phố T, tỉnh B; có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Minh P, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thành phố T, tỉnh B; vắng mặt (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều H trình bày: Bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Võ Minh P là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 158, quyển số 01, ngày 08/12/2005 tại UBND xã (nay là phường) T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thành phố T, tỉnh B. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông P không quan tâm đến vợ con, bà H phải lo kinh tế gia đình, lo cho con ăn học. Bà H nhiều lần khuyên răn nhưng ông P vẫn không thay đổi. Ông P và bà H

đã ly thân. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Võ Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 03/01/2007. Hiện nay, cháu N đang sống cùng bà H. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 18/12/2023, bị đơn ông Võ Minh P trình bày về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, ly thân, con chung, tài sản chung: Ông P thống nhất như lời trình bày của bà H. Trước yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con của bà H, ông P thống nhất.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Võ Minh P vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều H đối với bị đơn ông Võ Minh P về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 02 tháng 8 năm 2023, bà Nguyễn Thị Kiều H có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Võ Minh P. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Kiều H khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Võ Minh P. Ông P có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố T, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Minh P vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Võ Minh P chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 158, quyển số 01, ngày 08/12/2005 tại UBND xã (nay là phường) T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh B. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà H và ông P là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa bà H và ông P là hợp pháp.

Bà H xác định hiện nay vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng đã không còn sống chung, nên bà H quyết định ly hôn với ông P. Ông P thừa nhận mâu thuẫn như bà H trình bày và ông P đồng ý ly hôn với bà H. Bà H và ông P không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà H và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông P là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều H đối với ông Võ Minh P.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Võ Minh P có 01 con chung là Võ Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 03/01/2007. Hiện nay cháu Như đang sống cùng bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét thấy, hiện nay cháu Như đang sống cùng với bà H. Nguyện vọng của cháu N là được sống chung với mẹ. Ông P cũng đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, để cháu N phát triển ổn định, toàn diện cần giao con chung là cháu N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của bà H về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kiều H phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều H đối với bị đơn ông Võ Minh P về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều H được ly hôn với ông Võ Minh P.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Võ Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 03/01/2007 cho bà Nguyễn Thị Kiều H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Võ Minh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001000, ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Nhật Thanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
-VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường T, thành phố T, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.